

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày 30-11-2020
V/v “*Tranh chấp về đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lục Văn Văn.

2. Bà Vũ Thị Hòa.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Thế Trung -Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên toà:
Bà Hoàng Thị Hiệp- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-DS ngày 6 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1989. Số tài khoản 00087020xxxx tại Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà 248A, đường Nh, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B. Số tài khoản 00085554xxxx tại Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L.

Địa chỉ: Số nhà 025, đường Ng, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1978- Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

ĐKHKT: Số 5/63, đường Ph, phường Q (Nay là phường H), quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 Tr, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Phạm Doãn S-Chức vụ tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Diệu Th, sinh năm 1987- Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 151, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người làm chứng: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết M trình bày:

Ngày 9 tháng 4 năm 2020 bằng tài khoản 00087020xxxx từ số tài khoản ví viet của chị Phạm Thị Tuyết M là 0913287yyy, mã số tài khoản 0201072022xxx, chị chuyển nhằm số tiền 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) vào tài khoản 00085554xxxx mang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, tại Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L, thay vì chuyển vào tài khoản 000855560xxxx mang tên chị Bùi Thị L, tại Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L.

Trước khi chị Mai chuyển tiền đã gọi điện thoại cho chị Bùi Thị L yêu cầu nhận tin số tài khoản của chị L để chị Mai chuyển tiền vào tài khoản của chị L, chị L nhắn tin hình ảnh số tài khoản của chị L vào ứng dụng zalo. Lý do nhằm là trước đây chị L làm nhân viên kế toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B nên mọi thông báo biến động của Công ty được nhắn tin về số điện thoại của chị L là số 0915227yyy, chị Liêm đã gửi nhằm số tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B cho chị.

Ngay sau khi phát hiện chuyển sai nên chị đề nghị gửi Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L tra soát. Ngân hàng đã liên lạc và gửi mail cho anh H yêu cầu chuyển trả lại số tiền nhằm nêu trên, anh H yêu cầu làm việc trực tiếp với anh H, nhưng chị M gọi điện và gửi mail thì anh H trả lời là làm việc với Ngân hàng những ngày tiếp theo chị M gọi điện thoại, nhắn tin và gửi mail nhưng anh H không trả lời. Chị đề nghị Công an thành phố Lào Cai giải quyết và Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L tạm dừng số tiền đó trong tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B. Chị Phạm Thị Tuyết M đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B hoàn trả số tiền nêu trên, hiện đang trong tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B.

Theo bản email gửi ngày 25 tháng 9 năm 2020 của anh Nguyễn Quang H trình bày: Ngày 9 tháng 4 năm 2020, anh Nguyễn Quang H được Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L thông báo, trong tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B có số tiền 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng), ngày 16 tháng 4 năm 2020, Ngân hàng đã tạm dừng giao dịch số tiền nêu trên trong tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B theo yêu cầu của Công an thành phố Lào Cai. Anh không biết việc chị Phạm Thị Tuyết M cố ý hay chuyển nhằm tiền vào tài khoản Công ty của anh, chị M tự yêu cầu và Ngân hàng tự phong tỏa tài khoản của Công ty. Anh xác định số tiền đó không liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa, chị M không nợ Công ty. Công ty không liên quan đến số tiền đó, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải phóng số tiền đó ra khỏi tài khoản của Công ty.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần B trình bày: Ngày 9 tháng 4 năm 2020, chị Phạm Thị Tuyết M thông báo cho Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L về việc chuyển nhằm tiền từ tài khoản ví viet, số

điện thoại 0913287yyy, mã tài khoản ví việt 0201072022yyy đến tài khoản Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, số tài khoản 00085554xxxx, số tiền chuyển nhằm 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng). Ngân hàng hướng dẫn chi M thực hiện lập tra soát, trình báo cơ quan Công an, đồng thời Ngân hàng điện thoại, gửi email thông báo cho anh Nguyễn Quang H là đại diện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B về nội dung tra soát. Đến ngày 16 tháng 4 năm 2020, Ngân hàng phong tỏa tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, về việc tạm dừng giao dịch đối với số tiền 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) theo yêu cầu của Công an thành phố Lào Cai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự, Điều 6, Điều 18, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết M.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết M có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, có địa chỉ tại số nhà 025, đường Ng, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai hoàn trả số tiền 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) nằm trong tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B. Đây là quan hệ “Tranh chấp đòi lại tài sản” là giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai tiến hành tố tụng triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo việc xét xử vụ án được khách quan đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ án; Bị đơn đã tổng đạt văn bản tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt. Các đương sự không có ý kiến yêu cầu xem xét vấn đề gì về thủ tục tố tụng.

Bị đơn anh Nguyễn Quang H, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Diệu Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện: Qua lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ, thể hiện ngày 9 tháng 4 năm 2020, chị Phạm Thị Tuyết M đã chuyển nhằm số

tiền là 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) từ số tài khoản ví viết của chị Phạm Thị Tuyết M là 09132876yyy, mã số tài khoản 0201072022yyy vào số tài khoản là 00085554xxxx của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L. Chị M đề nghị Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B chuyển trả lại số tiền này. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H xác định cá nhân anh cũng như Công ty không vay khoản tiền đó của chị M, chị M không phải thực hiện bất cứ nghĩa vụ gì đối với cá nhân anh cũng như Công ty. Như vậy, chị Mai chuyển số tiền 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) vào tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B được lợi số tiền này là không có căn cứ pháp luật, xét thấy có căn cứ buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nêu trên cho chị Phạm Thị Tuyết M là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Chị Phạm Thị Tuyết M không đề nghị Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải chịu mức lãi suất từ thời điểm xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết M xác định việc chuyển nhầm tiền là do lỗi của chị nên xin chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 165, Điều 166, Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự, Điều 6, Điều 18, Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết M: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Phạm Thị Tuyết M, số tiền là 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng), hiện nay đang nằm trong tài khoản số 000855549999 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, tại Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Phạm Thị Tuyết M có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền là 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng) thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, Ngân hàng thương mại cổ phần B phải làm thủ tục chuyển trả số tiền 2.580.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm tám mươi triệu đồng), hiện nay đang nằm trong tài khoản số 000855549999 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B, tại Ngân hàng thương mại cổ phần B, chi nhánh L cho chị Phạm Thị Tuyết M.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 83.600.000 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 41.800.000 đồng (Bốn mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) do chị Phạm Thị Tuyết M đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AB/2012/0008560 ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành

phố Lào Cai. Như vậy, chị Phạm Thị Tuyết M còn phải nộp số tiền là 41.800.000 đồng (Bốn mươi một triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; TP
- THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Hà